BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ CHƯA HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quí 2 năm 2010

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	SỐ KỲ NÀY	SỐ ĐẦU N ĂM
I.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh**				
1.	***Lợi nhuận trước thuế***	***01***		***74.027.910.459***	***218.434.787.764***
2.	***Điều chỉnh cho các khoản:***				
-	Khấu hao tài sản cố định	02		39.567.920.179	100.033.089.552
-	Các khoản dự phòng	03		(7.207.614.440)	(191.813.851.890)
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		9.625.514.578	(9.625.514.578)
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(50.083.614.977)	(3.819.858.356)
-	Chi phí lãi vay	06		25.579.271.902	35.440.526.735
3.	***Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***	***08***		***91.509.387.701***	***148.649.179.227***
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(67.304.864.125)	133.525.306.320
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.401.551.606)	(10.213.185.013)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	11		37.120.181.009	(38.109.102.084)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(970.824.608)	16.875.379.023
-	Tiền lãi vay đã trả	13		(24.444.018.064)	(37.104.922.244)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(11.000.000.000)	(180.699.958)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		52.718.571.250	61.409.593.004
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(46.671.983.896)	(64.002.637.774)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***29.554.897.661***	***210.848.910.501***
II.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư**				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(4.852.788.723)	(159.830.022.549)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22			6.485.019.602
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			(2.800.476.881)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			2.248.060.386
5.	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(177.827.121.047)	(753.277.170.657)
6.	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		118.123.229.220	538.341.776.457
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		21.404.276.053	114.503.469.533
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***(43.152.404.497)***	***(254.329.344.109)***

Quí 2 năm 2010 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	SỐ KỲ NÀY	SỐ ĐẦU N ĂM
III.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính**				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		30.637.500.000	-
2.	Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		197.165.910.113	509.498.543.131
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(201.441.621.412)	(381.044.735.540)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(2.842.009.108)	(5.684.018.216)
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.000.000.000)	(82.612.796.900)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		**22.519.779.593**	**40.156.992.475**
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	***50***		8.922.272.757	(3.323.441.132)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**V.1**	**92.732.327.324**	**95.158.324.826**
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	**61**			**897.443.630**
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	**101.654.600.080**	**92.732.327.323**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 07 năm 2010

Trương Như Nguyên	**Nguyễn Minh Nguyệt**	**Đỗ Văn Minh**
Người lập biểu	**Phụ trách kế toán**	**Tổng Giám đốc**